TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 76 /2022/DS-PT Ngày 13 - 4 - 2022 V/v tranh chấp "Hợp đồng góp hụi"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Việt Trung.

Các Thẩm phán: Bà Đỗ Thị Minh Nguyệt.

Ông Trương Vĩnh Hữu.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Trúc Hương – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:*** Bà Phan Thị Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2022/TLPT-DS ngày 28/02/2022 về việc tranh chấp "Hợp đồng góp hụi".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 227/2021/DS-ST ngày 29/12/2021 của Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 38/2022/QĐ-PT ngày 01/3/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đỗ Thị Bích T, sinh năm 1980 (có mặt).

Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn VB, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1959 (có mặt).

Địa chỉ: Khu phố 4, thị trấn VB, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Nguyễn Thị T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn chị Đỗ Thị Bích T trình bày*:*

Bà Nguyễn Thị T1 làm thảo hụi, chị T có tham gia dây hụi mở ngày 15/5/2020 âm lịch, hụi 5.000.000 đồng/tháng, có 24 phần, chị T tham gia 01 phần. Chị T góp tiền hụi cho bà T1 được 16 kỳ số tiền là 64.000.000 đồng. Ngày 04/11/2021 ngưng tham gia góp hụi, bà T1 còn nợ chị T số tiền hụi 64.000.000 đồng; không trả tiền hụi lại cho chị T.

Chị T yêu cầu bà T1 trả lại số tiền hụi 64.000.000 đồng; yêu cầu trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra chị T không yêu cầu gì khác.

* Bị đơn bà Nguyễn Thị T1 trình bày:

Bà làm thảo hụi, chị T là hụi viên có tham gia góp hụi với bà T1. Bà thừa nhận có nợ chị T số tiền hụi 64.000.000 đồng. Bà T1 đồng ý trả cho chị T 64.000.000 đồng, nhưng yêu cầu được trả dần tiền mỗi tháng 3.000.000 đồng, kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật cho đến khi hết nợ. Ngoài ra, bà T1 không yêu cầu gì khác.

* Bản án dân sự sơ thẩm số 227/2021/DS-ST ngày 29/12/2021 của Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang, đã căn cứ vào Điều 471 và khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật Thi hành án dân sự.

Xử: 1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị Bích T.

Buộc bà Nguyễn Thị T1 có nghĩa vụ trả cho chị Đỗ Thị Bích T số tiền 64.000.000 đồng *(Sáu mươi bốn triệu đồng),* trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm thực hiện thì phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên, nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí:

Bà T1 được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm, do người cao tuổi.

Hoàn lại cho chị T tiền tạm ứng án phí 1.600.000 đồng theo biên lai số 0005791 ngày 11/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của đương sự.

* Ngày 11/01/2022, bị đơn bà Nguyễn Thị T1 có đơn kháng cáo yêu cầu: Bà đồng ý trả cho chị T số tiền 64.000.000 đồng, nhưng xin trả dần, mỗi tháng trả 3.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền trên.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự trình bày:

- Bà Nguyễn Thị T1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Chị Đỗ Thị Bích T không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo của bà T1, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu:

+ Về tố tụng: Kể từ ngày thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Bà Nguyễn Thị T1 kháng cáo yêu cầu được trả dần, mỗi tháng trả 3.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền còn nợ chị Đỗ Thị Bích T là 64.000.000 đồng; nhưng không được chị T đồng ý. Do đó, yêu cầu kháng cáo của bà T1 không có cơ sở để chấp nhận; đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét xác định mối quan hệ tranh chấp, thẩm quyền và áp dụng pháp luật trong việc giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật dân sự và tố tụng dân sự trong giai đoạn xét xử sơ thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị T1; Hội đồng xét xử nhận thấy:

Nguyên đơn chị Đỗ Thị Bích T khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị T1 trả lại số tiền nợ hụi 64.000.000 đồng. Bà T1 thừa nhận còn nợ chị T tiền hụi 64.000.000 đồng và đồng ý trả, nhưng xin trả dần, mỗi tháng trả 3.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ (Bút lục 45, 20).

Bà Nguyễn Thị T1 kháng cáo yêu cầu được trả dần số tiền nợ hụi 64.000.000 đồng cho chị T, mỗi tháng trả 3.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ. Yêu cầu này của bà T1 không được chị T chấp nhận. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà T1 không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì mới. Do đó, yêu cầu kháng cáo của bà Thọ là không có căn cứ để chấp nhận; bản án sơ thẩm đã xử là có cơ sở, cần thiết giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị T1 không được chấp nhận nên bà T1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên, bà Nguyễn Thị T1 có đơn xin miễn tạm ứng án phí – án phí sơ thẩm và phúc thẩm (Bút lục 61), do bà là người cao tuổi. Căn cứ vào Điều 2 Luật Người cao tuổi và Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Hội đồng xét xử quyết định miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm cho bà Thọ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 471 và khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật Thi hành án dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị T1.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 227/2021/DS-ST ngày 29/12/2021 của Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị Bích T.

Buộc bà Nguyễn Thị T1 có nghĩa vụ trả cho chị Đỗ Thị Bích T số tiền 64.000.000 đồng *(Sáu mươi bốn triệu đồng)*.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm thực hiện thì phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên, nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà T1 được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm, do người cao tuổi.

Hoàn lại cho chị T tiền tạm ứng án phí 1.600.000 đồng theo biên lai số 0005791 ngày 11/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm cho bà Nguyễn Thị T1.

- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- Đăng cổng thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

DSPT-2022-H

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Việt Trung